

NGUỒN LỰC TIẾNG VIỆT THỂ HIỆN “TÁC ĐỘNG” TRONG ĐÁNH GIÁ NGOẠI HÌNH*

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG**

Abstract: Appraisal language is a language conveying attitudes, personal emotions and judgment of speaker or writer which is an important element of the conversation toward recipient's activities, phenomena and entities. This writing inspects the judgment language on the appearance of others in Vietnamese under the appraisal theory of systemic functional linguistics. In this writing, we identify, analyze and evaluate resources represent Affect which is one of three aspects including Affect, Judgment and Appreciation in the Attitude system of Appraisal framework of Martin và White (2005).

Keywords: *Affect; Attitude; Appraisal language; Appraisal framework; appearance appraisalment.*

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ đánh giá - ngôn ngữ thể hiện thái độ, cảm xúc cá nhân, đánh giá hành vi của người khác và đánh giá sự vật hoặc hiện tượng là một phần quan trọng trong thực tiễn giao tiếp. Vì thế, không ngạc nhiên khi nó trở thành một nội dung thu hút được sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu, đặc biệt là những năm gần đây, trong xu hướng khảo sát sự hiện thực hoá các chức năng của ngôn ngữ trong đời sống xã hội.

Ngôn ngữ đánh giá ngoại hình là ngôn ngữ dùng để bày tỏ thái độ tích cực như: khen, yêu thích, đánh giá cao, ca ngợi... hay bày tỏ thái độ tiêu cực như chê, chê bai, đả kích, bình luận tiêu cực, ác ý về vẻ ngoài (vóc dáng, khuôn mặt, màu da, cân nặng, điệu bộ, cử chỉ, phong cách ăn mặc...) của người khác. Trong tiếng Việt, ngôn ngữ đánh giá ngoại hình rất đa dạng và phong phú.

Bài viết này khảo sát và tìm hiểu về các nguồn lực tiếng Việt thể hiện “tác động” trong đánh giá ngoại hình theo hướng tiếp cận của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống và Khung đánh giá (Appraisal framework) của Martin và White [10].

2. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá ngoại hình thể hiện “tác động” trong tiếng Việt, chúng tôi đã thu thập ngữ liệu 1.322 bình luận, câu, đoạn, văn bản đánh giá ngoại hình trong 192 bài báo, bài đăng, video trên các báo điện tử (Vietnamnet, VNExpress, Kenh14, aFamily); các nền tảng xã hội như Facebook cá nhân, Zalo cá nhân, fanpage, nhóm riêng tư, Tiktok và một số chương trình truyền hình (Vietnam's Next Top Model mùa 9, Rap Việt, Ca sĩ mặt nạ)... Sau khi được thu thập, phần ngữ liệu dạng video được giải băng thành các văn bản word. Ngữ liệu được phân tích, mô tả và phân loại theo Khung thẩm định (Appraisal framework) của Martin và White [10].

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích diễn ngôn kết hợp với phương pháp phân tích ngữ cảnh và phương pháp miêu tả để nhận diện, phân tích và làm rõ đặc điểm của ngôn ngữ đánh giá ngoại hình thể hiện “tác động” trong tiếng Việt.

* Bài viết là sản phẩm của đề tài NCKH cấp bộ: *Ngôn ngữ đánh giá ngoại hình trong tiếng Việt*; Đơn vị chủ trì: Viện Ngôn ngữ học.

** TS, Viện Ngôn ngữ học

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Một số vấn đề lí luận có liên quan

3.1.1. Khung thẩm định ngôn ngữ đánh giá của Martin và White

Hunston [9], Martin và White [10] cùng với nhiều nhà nghiên cứu khác (Thompson và Alba-Juez [11]); Volosinov (1973)) đều khẳng định tính đánh giá gắn liền với ngôn ngữ. Có thể nói rằng, mọi văn bản và mọi ngôn từ đều có tính đánh giá, ngay cả trong những diễn ngôn khách quan nhất, tính chủ quan vẫn hiện hữu.

Theo trường phái ngôn ngữ học chức năng hệ thống, ngôn ngữ được coi là một hệ thống gồm nhiều tầng bậc: tầng ngoài cùng, theo Martin là tầng ngữ nghĩa diễn ngôn. Tầng này được hiện thực hoá bằng tầng ngữ pháp - từ vựng và tầng ngữ pháp - từ vựng được hiện thực hoá thông qua tầng ngữ âm/ chữ viết. Ngôn ngữ đánh giá ở vị trí tầng ngữ nghĩa diễn ngôn. Nó được hiện thực hoá thông qua từ vựng và ngữ pháp mang nghĩa đánh giá ở tầng ngữ pháp - từ vựng.

Khung thẩm định được xây dựng bởi Martin và các cộng sự (Martin, 2000; Martin & Rose, 2007; Martin & White, 2005). Theo Coffin và O' Halloran, bộ công cụ này cho ta một cách thức toàn diện và mang tính hệ thống để phát hiện được “*các mô hình ngôn ngữ đánh giá xuất hiện trong một văn bản nhất định, một nhóm các văn bản...*” [7, tr.82]. Theo Peter White, khung thẩm định là “một cách tiếp cận để khám phá, mô tả và giải thích cách ngôn ngữ được sử dụng để đánh giá, áp dụng lập trường, xây dựng văn bản, quản lí vị trí và mối quan hệ giữa các cá nhân [9, tr.1]. Do vậy, có thể nói rằng lí thuyết *đánh giá* cung cấp một bộ công cụ để khám phá ngôn ngữ đánh giá trong văn bản bằng cách phân tích nguồn tài nguyên mang chức năng liên nhân, đồng thời cho thấy những tác động về mặt xã hội thể hiện xuyên suốt trong toàn văn bản.

Hệ thống ngôn ngữ đánh giá được xếp đặt theo ba trục chính: “thái độ” (attitude), “thang độ” (graduation) và “giọng điệu” (engagement).

Thái độ là sự biểu thị trực tiếp cảm xúc hoặc thái độ tích cực hay tiêu cực của người nói hay người viết đối với người khác, đối với các sự vật, hiện tượng hoặc tác động để người khác có cùng thái độ với mình. Hệ thống thái độ ban đầu bao gồm ba bình diện là *cảm xúc (emotion)*, *đạo đức (ethics)* và *thẩm mĩ (aesthetics)* và sau này được gọi bằng các thuật ngữ là *tác động (affect)*, *phán xét (judgement)* và *đánh giá sự vật hiện tượng (appreciation)*. Thái độ có thể là tích cực hoặc tiêu cực và được thể hiện một cách hiển ngôn hoặc hàm ngôn (Hood, 2005). Thang độ là các giá trị mà theo đó cường độ hoặc sức mạnh của các mệnh đề được nâng cao hoặc hạ thấp. Giọng điệu là các giá trị theo đó người nói/người viết khoắc các giọng điệu khác nhau và giá trị thay thế được đặt trong các ngữ cảnh giao tiếp thực tế.

3.1.2. Bình diện “tác động” (affect)

Tác động được xem là trung tâm của các bình diện *thái độ* vì nó là một nguồn diễn đạt tâm sinh lí đồng hành với con người từ lúc chào đời. *Tác động* bao gồm các nguồn lực ngôn ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc: *hạnh phúc, buồn, sợ, không thích,...* đối với những hành động đang diễn ra hoặc những thực thể xung quanh. Trong khi đó, *phán xét* được sử dụng để thể hiện đánh giá về mặt đạo đức đối với những hành vi và tính cách của con người. Còn *đánh giá sự vật hiện tượng* lại liên quan đến mặt thẩm mĩ hay giá trị.

Martin và White [10] đã chia *tác động* các loại như sau:

- *Tác động tích cực (positive)* và *tác động tiêu cực (negative)*: thể hiện cảm xúc vui (tích cực) hay cảm xúc buồn (tiêu cực). Ví dụ: *She is very happy* (Cô ấy rất hạnh phúc) (tích cực +) hay *She is sad* (Cô ấy buồn) (tiêu cực -).

- Tác động có thể là quá trình hành vi (behavior process): *She smiled at him*. (Cô ấy mỉm cười với anh ta.); quá trình tinh thần (mental process): *She liked him* (Cô ấy thích anh ta) hay quá trình quan hệ (relational process): *She felt happy with him*. (Cô ấy cảm thấy vui vẻ với anh ta.)
- Tác động có được là do phản ứng lại với yếu tố gây cảm xúc hay hướng tới yếu tố nào khác. Chẳng hạn, với quá trình tinh thần thì nhân tố gây ra xúc cảm và người cảm nhận đều hiện hữu trong quá trình: *She likes him* (Cô ấy thích anh ta.), còn với trạng thái quan hệ chỉ người cảm nhận và cảm xúc hiện hữu: *She's happy about that*. (Cô ấy thấy vui về điều đó.)
- Tác động được phân loại dựa theo thang độ (thấp, trung bình, cao), ví dụ như không thích (dislike) - ghét (hate) - ghét cay ghét đắng (detest).
- Tác động có thể được phân thành *tác động hiện thực* (phản ứng với tác nhân thực tế đã có): *The captain disliked leaving*. (*Đội trưởng không thích rời đi*); hay tác động phi hiện thực (phản ứng dự định với tác nhân tiềm ẩn - chưa xảy ra): *The captain feared leaving*. (*Đội trưởng sợ rời đi*). Nói theo cách khác, nó có thể là quá trình tinh thần quá trình tinh thần gây xúc cảm hay quá trình tinh thần mong muốn. Các cảm xúc tiềm ẩn luôn hàm ý một tác nhân gây xúc cảm, thể hiện qua sự mong muốn/ không mong muốn (inclination) như sợ hãi (fear) hay mong ước, khát khao (desire).
- Tác động hiện thực được chia thành ba nhóm nghĩa chính: *hạnh phúc/ không hạnh phúc* (un/happiness), *an toàn/ không an toàn* (in/security) và *thỏa mãn/ không thỏa mãn* (dis/satisfaction). Nhóm nghĩa *hạnh phúc/ không hạnh phúc* thể hiện những rung động của trái tim đối với yếu tố gây xúc cảm bằng các tâm trạng; *an toàn/ không an toàn* bao hàm những cảm xúc về sự yên ổn hay những lo lắng cho mọi thứ xung quanh ta; *thỏa mãn/ không thỏa mãn* chỉ những cảm xúc khi đạt được hay thất bại trong việc theo đuổi những mục đích trong các hoạt động mà chúng ta tham gia hoặc chứng kiến.

Bảng 1. Các nhóm tác động theo quan điểm của Martin và White

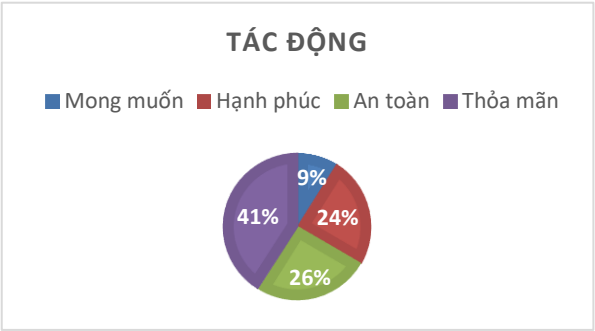
Cảm xúc	Tích cực (+)	Tiêu cực (-)
Mong muốn	Nhớ (miss), khát khao (yearn for)	Cảnh giác (wary), fearful (sợ hãi)
Hạnh phúc	Vui mừng (cheerful), thích (like)	Buồn (sad), khổ sở (miserable)
An toàn	Tự tin (confident), thoải mái (comfortable)	Lo lắng (anxious), kinh ngạc (astonished)
Thỏa mãn	Thỏa mãn (satisfied), hài lòng (pleased)	Chán, chán ngấy (bored with, sick of)

(Theo Martin và White [11, tr.51])

Dựa trên các kiểu phân loại nêu trên, nguồn lực *tác động* có thể được tiếp cận theo các chiều hướng khác nhau. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu phân tích nguồn lực này theo các nhóm nghĩa biểu thị cảm xúc.

3.2. Các nguồn lực tiếng Việt thể hiện *tác động* trong đánh giá ngoại hình

Qua khảo sát nguồn ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy nguồn lực thể hiện *tác động* trong ngôn ngữ đánh giá ngoại hình tiếng Việt tương đối phong phú. Chúng tôi đã thống kê được 78 từ ngữ đánh giá ngoại hình thể hiện *tác động* trong đó có 7 từ ngữ thể hiện *mong muốn/ không mong muốn*; 19 từ ngữ thể hiện *hạnh phúc/ không hạnh phúc*, 20 từ ngữ thể hiện *an toàn/ không an toàn* và 32 từ ngữ thể hiện *thỏa mãn/ không thỏa mãn*. Sau đây là biểu đồ thống kê tỉ lệ bốn nhóm ngữ nghĩa thể hiện *tác động*:



Biểu đồ 1: Biểu đồ tỉ lệ bốn nhóm nghĩa đánh giá ngoại hình thể hiện “tác động” trong tiếng Việt

Chúng tôi cũng đã thống kê cụ thể các nguồn lực từ vựng - ngữ pháp đánh giá ngoại hình trong tiếng Việt hiện thực hoá *tác động* trong bảng dưới đây:

Bảng 2: Bảng thống kê chi tiết các nguồn lực tiếng Việt thể hiện tác động trong đánh giá ngoại hình

Tác động	Tích cực (+)	Tiêu cực (-)
Mong muốn	Ước, muốn, mơ, mơ ước, ao ước, xin vía.	Lo ngại
Hạnh phúc	Yêu, thích, khoái, mê, mê mẩn, say, vui, nao lòng, tan chảy, muốn yêu, (muốn) rụng trứng.	Ghét, chán, ngán, ghen tị, ghê, tởm, buồn nôn, muốn ọe.
An toàn	Tự tin, dễ chịu, nhẹ nhõm.	Sợ, sốc, gây sốc, lo lắng, bất ổn, bất an, xót xa, phát hoảng, gây hoang mang, gây bất ngờ, gây tranh cãi, gây xôn xao, phát sốt, gây sốt, dậy sóng, khó tin, nghi ngờ nhân sinh.
Thỏa mãn	Thỏa mãn, hài lòng, thu hút, mê muội, chú ý, khen ngợi, xuýt xoa, đảo điên, say mê, say sưa, gây ấn tượng, cuốn, lôi cuốn, ghi điểm, khen, ủng hộ, trầm trồ, mãn nhãn, không thể rời mắt, khó rời mắt.	Ức chế, chê bai, khó chịu, phát chán, phát ngán, phát kinh, phát tởm, đau mắt, ngứa mắt, không hài lòng, cặn lời.

3.2.1. Các nguồn lực ngôn ngữ thể hiện “mong muốn”

Trong khuôn khổ tư liệu khảo sát của chúng tôi, tiếng Việt sử dụng 7 từ ngữ để hiện thực hoá phạm trù *mong muốn* trong các đánh giá về ngoại hình, trong đó có 6 từ ngữ thể hiện phạm trù *mong muốn* theo chiều hướng tích cực (*mong, muốn, ước, mơ, mơ ước*); chỉ có 1 từ ngữ thể hiện chiều hướng tiêu cực (lo ngại). Đây là phạm trù có ít nguồn lực thể hiện nhất (chỉ chiếm 9%).

Xét các ví dụ sau:

(1) *Ước gì được đẹp như cô ấy.* [+] (Bình luận bức ảnh chân dung - Fb Dạ Quỳnh)

(2) *Có tiền tao cũng **muốn** làm dáng mũi như chị này!* [+] (Bình luận hình ảnh chiếc mũi mới của Ngân 98 - Fb Ngân 98)

(3) *Vóc dáng đáng **mơ ước** của biết bao nàng.* [+] (Bình luận về vóc dáng một cô gái - page “Đáng khoe, đáng đẹp”)

Xét về mục đích đánh giá ngoại hình, các phát ngôn trên đều là những đánh giá tích cực, những lời khen, dù trong phát ngôn có thể chứa hoặc không chứa những biểu thức ngôn ngữ mang nghĩa đánh giá trực tiếp. Tuy nhiên, theo lẽ thường, người ta chỉ mong muốn cho bản thân những gì là tốt và đẹp. Một ngoại hình khiến người ta “mơ ước” (khuôn mặt, chiếc mũi, vóc dáng) chắc chắn là một ngoại hình được đánh giá cao. Thậm chí, lời khen ngoại hình bằng cách bày tỏ thái độ, cảm xúc thể hiện mong muốn của bản thân còn làm tăng độ tin cậy và chân thành cho lời đánh giá. Theo khảo sát của chúng tôi, người Việt còn có một cách nói khác để thể hiện “mong muốn” đó là dùng động từ “xin vía”:

Ví dụ:

(4) ***Xin vía** chân dài cho con gái!* [+] (Bình luận Post Đồi chân 1.1m của hoa hậu Đỗ Thị Hà - PageVietnam Beauties)

“Xin vía” theo quan niệm của người Việt là thể hiện sự mong muốn nhận được may mắn từ người khác, được nhận những điều tốt đẹp giống như họ. Trong trường hợp này, chủ thể đánh giá là một

người hâm mộ hoa hậu Đỗ Thị Hà, bày tỏ mong ước (nội dung đánh giá) sau này con gái của cô cũng có được đôi chân dài 1,1m như cô hoa hậu này. Đây là một cách diễn đạt khá đặc biệt trong tiếng Việt.

Để thể hiện *mong muốn* theo hướng tiêu cực, tiếng Việt sử dụng các từ, ngữ như: *lo ngại, đáng lo ngại...*

(5) *Nữ diễn viên để lộ thân hình gầy gò đáng lo ngại.* [-] (Bình luận về thân hình của diễn viên Nhã Phương - Yan TV)

Phát ngôn trên thể hiện đáng giá tiêu cực về ngoại hình. Người viết có cảm xúc lo ngại vì thân hình “gầy quá mức” của nữ diễn viên, là một dấu hiệu đe dọa, tiềm ẩn các nguy cơ về sức khỏe trong tương lai.

3.2.2. Các nguồn lực ngôn ngữ thể hiện “hạnh phúc”

Hạnh phúc là phạm trù có nguồn lực ngôn ngữ khá đa dạng (chiếm 24%, tương đương 19 từ ngữ, trong đó có 11 từ ngữ thể hiện cảm xúc tích cực và 8 từ ngữ thể hiện cảm xúc tiêu cực). Nhóm Tác động này thể hiện những rung động trước cái đẹp hoặc cái không đẹp của ngoại hình. Các nguồn lực thể hiện những cảm xúc tích cực tương ứng với sự đánh giá cao hay những lời khen về ngoại hình. Ví dụ:

(6) *Yêu nụ cười tỏa nắng của bạn mình!* [+] (Bình luận trên Fb Thùy Linh)

(7) *Nhìn về body, ngoại hình có, ghét nhất cái thần thái.* [-] (Nhận xét của giám khảo trong chương trình Vietnam's Next Top Model mùa 9)

(8) *Đẹp sang trọng, đẹp quý phái. Tui mê cái vẻ đẹp của bà quá chèn ơi.* [+] (Bình luận trên Reels “Khoảnh khắc đẹp nhất của Viên Ngọc Trai Đen” - Page Miss Vietnam)

(9) *Gương mặt hai ngôi sao lộ rạng rỡ hạnh phúc, khiến người hâm mộ cũng cảm thấy vui lây.* [+] (Bình luận trong Bài báo “Son Ye Jin tung ảnh cưới chưa từng công bố nhân dịp kỷ niệm 2 năm kết hôn: Visual đỉnh cao hút gần triệu like!” - Kenh14.vn).

(10) *Trần Đô Linh sốt ruột chờ xe thôi cũng gây bão: Visual mong manh dễ vỡ đẹp nao lòng người, tưởng đâu cảnh phim.* [+] (Tiêu đề bài báo trên Báo điện tử Kenh14.vn)

(11) *Top các cô dâu gây bão mạng, khiến hội “ăn cưới online” tan chảy với loạt khoảnh khắc xinh đẹp hút hồn.* [+] (Tiêu đề bài báo trên Báo điện tử Kenh14.vn)

(12) *Điểm danh đàn trai đẹp trên màn ảnh khiến chị em rụng trứng.* [+] (Tiêu đề bài báo trên Pháp luật TP. Hồ Chí Minh)

(13) *Thằng này vừa xấu vừa bẩn bẩn, nhìn tởm vãi.* [-]

(14) *Nhìn mặt chú rề mắt ói.* [-]

(15) *Nhìn cái mặt mụn phát buồn nôn.* [-] (Bình luận về ngoại hình người đàn ông trong lễ cưới của mình - Page Bí Mật Showbiz Group)

(16) *Nhan sắc bị thời gian bỏ quên của Phạm Băng Băng khiến bao cô gái trẻ phát hờn.* [-] (Trích trong bài “Phạm Băng Băng: Nhan sắc bị thời gian lãng quên” - Page Sạp báo Hoa ngữ)

Trong các ví dụ trên, ngoại hình trẻ, đẹp, rạng rỡ, duyên dáng của các đối tượng được đánh giá tác động vào chủ thể đánh giá, làm nảy sinh những cảm xúc yêu, thích, khoái, mê, say, vui, hạnh phúc... ở các chủ thể đánh giá ở nhiều cấp độ khác nhau. Ngược lại, những đặc điểm ngoại hình xấu, bẩn, không phù hợp với quan điểm thẩm mỹ của chủ thể đánh giá sẽ gây ra những cảm xúc tiêu cực

như *chán ghét, kinh tởm...* Tức là, vẻ đẹp ngoại hình của đối tượng được đánh giá thường tỉ lệ thuận với mức độ tích cực của cảm xúc được tạo ra ở chủ thể đánh giá. Tuy nhiên, trường hợp “hờn”, “ghen tị” lại là ngoại lệ. Cảm xúc tiêu cực được tạo ra ở đây lại bắt nguồn đánh giá tích cực, thậm chí rất tích cực về ngoại hình của đối tượng được đánh giá. Bởi vậy, cấu trúc “*ghen tị/ hờn với ngoại hình của ai đó*” hay “*ngoại hình của ai đó làm cho ghen tị/ phát hờn*” là một lời khen với hàm ý: “Vì bạn quá đẹp (đẹp hơn tôi) nên khiến tôi ghen tị”.

Các ví dụ trên cũng cho thấy, để thể hiện nghĩa *hạnh phúc/không hạnh phúc* trong đánh giá ngoại hình, tiếng Việt sử dụng nhiều loại nguồn lực khác nhau. Đó có thể là những từ mang nghĩa trực tiếp: *yêu, ghét, mê, vui, ...*, có thể là những cách nói bóng bẩy hơn: *đẹp nao lòng...*; cũng có thể sử dụng những ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: *nhìn mắc ói, nhìn buồn nôn*, thông qua cảm giác sinh lí để nó nói về cảm giác tâm lí. Đặc biệt, các kết hợp kiểu: *Đẹp trai (muốn) rụng trứng* là một những cách kết hợp mới và độc đáo chỉ một trạng thái tâm lí phản kích cao độ trước vẻ đẹp của một chàng trai nào đó. Đây là một ẩn dụ được hình thành dựa trên sự tương đồng giữa trạng thái hưng phấn cao độ của sinh lí và trạng thái phản kích cao độ về tâm lí của con người.

Ban đầu, cách nói này chỉ dùng hạn chế trong trường hợp chủ thể là nữ giới, nảy sinh cảm xúc trước tác động là ngoại hình của một người là nam giới được cho là đẹp, tích cực, hợp “gu” ở mức độ cao. Sau đó, phạm vi sử dụng được mở rộng hơn, “rụng trứng” có thể chỉ cảm xúc của chủ thể là nữ giới trước tác động của ngoại hình con người, bất kể là nam hay nữ, rộng hơn nữa là vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng khác như trong các ví dụ dưới đây:

12b. *Cô gái nào cũng cảm thấy muốn rụng trứng về hình ảnh thời còn trẻ của nữ streamer xù Hàn.* (Chủ thể: Nữ; Yếu tố tác động: Vẻ đẹp của nữ).

12c. *Nhà đẹp rụng trứng.* (Chủ thể: Nữ; Yếu tố tác động: Vẻ đẹp của ngôi nhà).

3.2.3. Các nguồn lực ngôn ngữ thể hiện “an toàn”

Theo thống kê, nguồn ngữ liệu chúng tôi thu thập được xuất hiện 20 từ ngữ biểu thị cảm xúc thuộc phạm trù *an toàn* (chiếm 26%) trong đó, số lượng từ ngữ thể hiện ý nghĩa tích cực là 3, còn lại 17 từ ngữ là thể hiện ý nghĩa tiêu cực. Có thể thấy trong ngôn ngữ đánh giá ngoại hình tiếng Việt, ở phạm trù này, các nguồn lực hiện thực hoá chiều tiêu cực phong phú hơn nhiều so với chiều tích cực.

Xét các ví dụ sau:

(17) *Trường Giang đi đến đâu cũng tự tin khoe diện mạo đẹp trai.* [+] (Tiêu đề Post trên Yan TV)

(18) *Quế Anh có khuôn mặt đẹp phúc hậu đầy chữ. Nhìn vào cảm thấy dễ chịu.* [+] (Bình luận về Hoa hậu Quế anh trên PageVietnam Beauties)

(19) *Anh rất sợ những thằng đàn ông tóc dài.* [-] (Nhận xét của giám khảo Nam Trung về thí sinh tham gia cuộc thi Vietnam Next Top Model)

(20) *Vóc dáng mỏng như lá lúa, bàn tay nổi gân xanh của người đẹp khiến bao fan xót xa.* [-] (Bài báo về Angela Baby trên Báo điện tử Kenh14.vn)

(21) *Nhan sắc gây sốc của Lâm Tâm Như.* [-] (Nhận xét về nhan sắc Lâm Tâm Như trong bài “Khô sở vì ảnh “dìm hàng” nhan sắc”- znews.vn)

(22) *Mới đây, những hình ảnh lộng lẫy và đẳng cấp của Hoa hậu Đỗ Mỹ Linh tái hợp cùng Á hậu Thanh Tú trong bộ ảnh mới nhất, khiến nhiều người hâm mộ phát sốt.* [-] (Trích bài “Thời trang hoa hậu Mỹ Linh lại đốn tim Fan bằng vẻ đẹp không thể chối từ” - Eva.vn/)

(23) Không ít lần, nhiều sao Hàn **gây xôn xao** với diện mạo thay đổi, khác xa so với quá khứ. [-] (Trích bài báo “Những màn thay đổi ngoại hình sốc nhất Kbiz - Kenh14.vn)

(26) Mới đây, cô cũng khiến dân tình **khó tin** được với vẻ ngoài quá đổi trẻ trung cùng mái tóc bóng khỏe, dày mượt đến khó tin. [-] (Trích bài “Vương phi thời trẻ đẹp ra sao mà khiến Tạ Đình Phong si mê - Nhan sắc U60 trẻ mãi không già - Afamily.vn)

(24) Nhìn nhan sắc của chị mẹ này, tui **ngghi ngờ nhân sinh**. [-] (Bình luận về ngoại hình của người mẹ trẻ đưa con đến cắt tóc - Fb Salon Hair 1990)

Qua các ví dụ trên, có thể thấy, nguồn lực thể hiện *an toàn* [-] rất phong phú, từ các cách nói trực tiếp đến các cách nói gián tiếp. Khá dễ dàng để xác định các nguồn lực là tích cực hay tiêu cực, dựa trên tiêu chí của phạm trù này: Những cảm xúc yên ổn là [+] và những cảm xúc bất an, không ổn định là [-]. Tuy nhiên, những cảm xúc [+] hay [-] đó góp phần truyền tải nội dung đánh giá gì về ngoại hình thì phải phụ thuộc vào từng ngữ cảnh cụ thể. Chẳng hạn, các cảm xúc như: *sốc, phát sốt, nghi ngờ, khó tin, xôn xao, tranh cãi*... không thể khẳng định được bắt nguồn từ sự đánh giá cao (khen) hay sự đánh giá thấp (chê) về ngoại hình của đối tượng được đánh giá. Người ta hoàn toàn có thể bị *sốc, phát sốt, ám ảnh*... vì một ngoại hình quá đẹp hoặc quá xấu.

Đáng chú ý trong các nguồn lực này là cụm từ “*ngghi ngờ nhân sinh*”. Đây là một cách diễn đạt mới. “*Ngghi ngờ nhân sinh*” muốn thể hiện một trạng thái tâm lí không dám tin vào những điều bất ngờ dường như trái với quy luật tự nhiên của cuộc sống. Chẳng hạn, ví dụ 24 là một bình luận về ngoại hình của một người mẹ dù có con rất lớn nhưng vô cùng trẻ đẹp, thậm chí trẻ ngang với con gái của cô. Chủ thể của phát ngôn này sử dụng nguồn lực ngôn ngữ này với ý nghĩa, quá bất ngờ, không thể tin nổi người mẹ lại có thể có dung mạo trẻ trung, xinh đẹp đến mức như đi ngược lại với quy luật của tạo hoá như vậy. Như vậy, ở tầng sâu, đây làm một lời khen, một sự đánh giá rất cao ngoại hình của “chị mẹ” được nhắc đến trong phát ngôn.

3.2.4. Các nguồn lực ngôn ngữ thể hiện “thỏa mãn”

Trong ngôn ngữ đánh giá ngoại hình tiếng Việt, *thỏa mãn* là nhóm nghĩa có các nguồn lực thể hiện nhiều nhất và đa dạng nhất (32 từ ngữ, tương đương với 41%, trong đó 22 từ ngữ thể hiện chiều tích cực và 10 từ ngữ thể hiện chiều tiêu cực).

Nhóm *thỏa mãn* [+] được hiện thực hóa bằng các nguồn lực như: *hài lòng, thu hút, chú ý, say sưa, gây ấn tượng, cuốn, lôi cuốn, trầm trồ, không thể rời mắt*...

Ví dụ:

(25) Fan **hài lòng** với diện mạo mới của Trấn Thành. [+] (Nhan đề bài báo - Tuổi trẻ cười)

(26) Xinh thực sự, thần thái nhìn **cuốn** quá! [+] (Bình luận về Jennie trong bài báo “Body Jennie cực cháy trong campaign mới cho Calvin Klein khiến MXH nóng hơn bao giờ hết” - Afamily.vn)

(27) Nữ ca sĩ vẫn **thu hút** mọi ánh nhìn với làn da trắng sáng, mịn màng như không hề có dấu hiệu của tuổi tác. [+] (Bình luận về nhan sắc của Vương Phi - Afamily.vn)

(28) Nhan sắc xinh đẹp, quyến rũ cùng thần thái “slay” ngút ngàn của Jennie cũng khiến người xem **không thể rời mắt**. (+) (Trích bài báo “Body Jennie cực cháy trong campaign mới cho Calvin Klein khiến MXH nóng hơn bao giờ hết” - Afamily.vn)

Nhóm *Thỏa mãn* [-] được hiện thực hóa bằng các nguồn lực như: *chê bai, ức chế, khó chịu, phát chán/ ngán, phát kinh/tởm, đau mắt, ngứa mắt...*

Ví dụ:

(29) *Ngày trước, netizen thường xuyên **chê bai** ngoại hình mũm mĩm, khuôn mặt không mấy ưa nhìn của Jihyo. Không ít người còn gọi nữ ca sĩ là "lỗ hổng visual" trong TWICE.*

(Trích bài báo “Những màn thay đổi ngoại hình gây sốc nhất lịch sử Kbiz: Kể từ kém sắc đòi đòi thành nữ thần, người giảm 70kg” - [kenh14.vn](#))

(30) ***Úc chế** khi nhìn mặt Pu, lúc nào vênh vênh.* [-] (Nhận xét về nhân vật Pu - Fanpage phim “Đi giữa trời rục rỡ”)

(32) *Tiền vệ sinh năm 1997 **cạn lời** về mái tóc của mình.* (Trích bài “Quang Hải cạn lời về mái tóc Na tra” - [Kenh14.vn](#))

Tương tự như các nhóm trên, ngôn ngữ đánh giá ngoại hình thể hiện phạm trù Thỏa mãn trong tiếng Việt cũng được thể hiện bằng những nguồn lực hiện ngôn (*hài lòng, cuốn, thu hút, gây ấn tượng, chê bai, ức chế...*) và cả những nguồn lực hàm ngôn (*không thể rời mắt, đau mắt, cạn lời...*). Những phát ngôn mang tính *thỏa mãn* [+] thường đồng nghĩa với một khen, đánh giá cao ngoại hình và ngược lại, những phát ngôn mang tính *thỏa mãn* [-] thường là một lời chê, đánh giá thấp ngoại hình. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp đặc biệt như “cạn lời”, cách diễn đạt này có thể mang nghĩa *thỏa mãn* [+] trong “Đẹp cạn lời!” nhưng cũng thể mang nghĩa *thỏa mãn* [-] trong rất nhiều trường hợp khác. Chẳng hạn, trong ví dụ 32, “cạn lời” thể hiện sự đánh giá không hài lòng (*thỏa mãn* [-]) của cầu thủ Quang Hải về mái tóc mới của mình vì cũng trong bài viết đó, anh có chia sẻ sẽ đi cắt lại mái tóc của mình. Điều này một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của ngữ cảnh đối với việc xác định ý nghĩa đánh giá.

Tóm lại, có thể nói, *tác động* được xem là trung tâm của các bình diện trong hệ thống thái độ vì nó là là một nguồn diễn đạt tâm sinh lý đồng hành với con người từ lúc mới sinh ra. Theo Martin và White, *tác động* là nguồn ngôn ngữ tạo ra cảm xúc, tình cảm [10, tr.45]. Đối với *tác động*, khung ngữ pháp là quá trình quan hệ thuộc tính (relational attributive process) và người tham gia liên quan đến động từ *feel* (*cảm thấy*). Hệ thống ngữ liệu của chúng tôi về nguồn lực tiếng Việt thể hiện *tác động* đánh giá ngoại hình cũng được phân tích dựa trên khung ngữ pháp này. Cụ thể là hai mô hình ngữ pháp sau:

Mô hình 1:

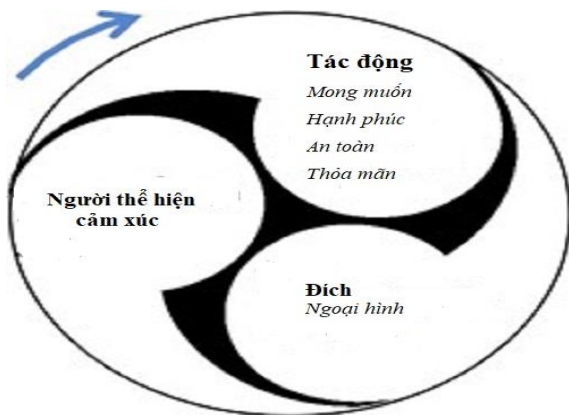
[Ai đó +	(<i>cảm thấy</i>) + Tác động	(<i>về/vì</i>) ngoại hình (của ai đó)]
<i>Tôi</i>	(<i>thấy</i>) <i>yêu/mê/hài lòng...</i>	(<i>về/vì</i>) <i>khuôn mặt</i>
<i>Họ</i>	<i>ghét/ghen tị/ ức chế...</i>	<i>vóc dáng</i>
<i>Cô ta</i>	<i>buồn nôn/rụng trứng...</i>	<i>làn da</i>

Mô hình 2:

[Ngoại hình (của ai đó)	<i>khiến</i> ai đó (<i>cảm thấy</i>)	+ Tác động]
<i>Khuôn mặt anh ta</i>	<i>tôi</i>	<i>yêu/mê/hài lòng...</i>
<i>Khuôn mặt cô ta</i>	<i>họ</i>	<i>ghét/ghen tị/ ức chế...</i>
<i>Vóc dáng của A</i>	<i>cô ta</i>	<i>buồn nôn/rụng trứng...</i>

Có thể thấy, đối với ngôn ngữ đánh giá ngoại hình, khung ngữ pháp của *tác động* là mối liên hệ giữa ngoại hình của ai đó và người đánh giá/thể hiện cảm xúc được hiện thực hoá trên bốn bình diện cảm xúc *mong muốn, hạnh phúc, an toàn và thỏa mãn*. Khi thống kê và phân tích nguồn ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy tất cả các ví dụ thể hiện *tác động* đều hướng tới một đích là ngoại hình (của một ai đó). Người thể hiện cảm xúc (về ngoại hình của ai đó), bốn bình diện ngữ nghĩa thể hiện giá trị *tác động* và *đích* (ngoại hình của ai đó) tạo nên một liên kết ba. Trong một số trường hợp, trên bề mặt ngôn ngữ, nhân tố người đánh giá/ chủ thể thể hiện cảm xúc và nhân tố đối tượng được đánh giá (ngoại hình) có thể bị/được ẩn đi, nhưng hoàn toàn có thể khôi phục lại một cách dễ dàng nhờ vào ngữ cảnh.

Liên kết giữa ba nhân tố được thể hiện trong hình dưới đây:



Liên kết ba: Người thể hiện cảm xúc, “tác động” và đích “ngoại hình”

Trong ví dụ 11, liên kết ba đó là liên kết [Hội “ăn cưới online” (dân cư mạng) + *tan chảy* + *ngoại hình xinh đẹp* (của các cô dâu)], “loạt khoảnh khắc xinh đẹp” của các cô dâu là yếu tố khách quan tác động đến chủ thể đánh giá, ở đây là các cư dân mạng, làm cho các chủ thể này nảy sinh cảm xúc hạnh phúc [+] (*tan chảy*). Hay ở ví dụ 20, liên kết ba ở đây được thể hiện trong mô hình: [*Fan* + *xót xa* + *vóc dáng mỏng như lá lúa, bàn tay nổi gân xanh*]. Trong trường hợp này, đối tượng thể hiện tác động là những người hâm mộ (*Fan*) liên kết với đích ngoại hình là “*vóc dáng mỏng như lá lúa, bàn tay nổi gân xanh*” của Angela Baby thông qua tác động “*xót xa*” (*An toàn* [-]).

Hay trong ví dụ (26) *Xinh thực sự, thần thái nhìn cuốn quá!* Chủ thể đánh giá không xuất hiện trong phát ngôn nhưng hoàn toàn có thể xác định đó chính là người viết bình luận này, người này thể hiện cảm xúc thỏa mãn [+] khi được nhìn, chiêm ngưỡng khuôn mặt, vóc dáng, thần thái của ca sĩ Jennie - một thành viên của nhóm nhạc Blackpink. Trong ngữ cảnh này, thậm chí, biểu thức đánh giá chỉ bao gồm một nhân tố cảm xúc, chẳng hạn: “*Cuốn quá!*” vẫn hoàn toàn có thể khôi phục lại liên kết ba.

4. Kết luận

Nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá ngoại hình thể hiện *tác động* trong tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy các nguồn lực từ vựng - ngữ pháp hiện thực hóa bốn nhóm nghĩa: *mong muốn, hạnh phúc, an toàn và thỏa mãn* tương đối đa dạng và phong phú. Các nguồn lực này có thể thể hiện ý nghĩa đánh giá thông qua các biểu thức ngôn ngữ mang tính tường minh, hiển ngôn, cũng có thể thể hiện bằng các hình thức ngôn ngữ bóng bẩy, các ẩn dụ thú vị dưới hình thức những cách diễn đạt mới, thậm chí chưa xuất hiện trong từ điển.

Các nguồn lực ngôn ngữ trong mỗi nhóm ý nghĩa đều có tính phân cực theo các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, sự phân cực theo tiêu chí trong nội bộ các nhóm chưa chắc đã trùng với sự phân cực ý nghĩa đánh giá ngoại hình. Chẳng hạn, có khi nguồn lực ngôn ngữ thể hiện ý nghĩa *hạnh phúc* [-] thì lại thể hiện sự đánh giá ngoại hình tích cực [+], thậm chí tích cực ở mức độ cao. Đó là trường hợp phát ngôn trong ví dụ 16.

Khung ngữ pháp của *tác động* là mối liên hệ giữa ngoại hình (của ai đó) và người đánh giá/người thể hiện cảm xúc được hiện thực hóa trên bốn bình diện nghĩa của *tác động*. Người thể hiện cảm xúc, bốn bình diện ngữ nghĩa thể hiện *tác động* và *đích* (ngoại hình của ai đó) tạo nên một liên kết ba. Trong một số trường hợp, trên bề mặt ngôn ngữ, nhân tố người đánh giá/ chủ thể thể hiện cảm xúc và nhân tố đối tượng được đánh giá (đích - ngoại hình) có thể bị/được ẩn đi, nhưng hoàn toàn có thể khôi phục lại một cách dễ dàng nhờ vào ngữ cảnh.

Nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá ngoại hình trong tiếng Việt ở khía cạnh *tác động* góp phần làm rõ hơn lí thuyết về ngôn ngữ đánh giá của Martin và White cũng như các nguồn lực đánh giá nói chung và các nguồn lực tiếng Việt đánh giá ngoại hình nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Bích Hồng - Phạm Hiền, *Ngôn ngữ đánh giá trong các bài phê bình sách tiếng Anh về Ngôn ngữ học*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, Số 7 (274), 2018.
2. Nguyễn Bích Hồng, *Nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ đánh giá trong tiếng Anh và tiếng Việt trên cứ liệu bài tạp chí chuyên ngành ngôn ngữ học*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2023.
3. Trần Thị Thanh Hương, *Ngôn ngữ đánh giá của các giám khảo trên truyền hình thực tế trong một số chương trình giải trí tiếng Việt (có liên hệ với tiếng Anh)*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.
4. Nguyễn Thị Hương Lan, *Nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá trong sách giáo khoa bậc tiểu học (So sánh sách tiếng Anh tiểu học ở Singapore và sách tiếng Việt tiểu học ở Việt Nam)*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam, 2018.
5. Nguyễn Thị Mỹ Lê, *Ngôn ngữ đánh giá trong trong sách giáo khoa Tiếng Anh cấp trung học cơ sở tại Việt Nam dưới góc độ ngữ pháp chức năng hệ thống*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, 2023.
6. Nguyễn Hồng Sao, *So sánh ngôn ngữ báo chí tiếng Việt và tiếng Anh qua một số thể loại*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.

Tiếng Anh

7. Coffin, C., & O'Halloran, K., *The role of appraisal and corpora in detecting covert evaluation*, Functions of language, 13(1), 77-110, 2006.
8. Halliday, M.A.K., & Matthiessen, C.M.I.M., *An introduction to functional grammar* (3rd ed.), Hodder Education, London, 2004.
9. Hunston S., *Corpus approaches to evaluation: Phraseology and evaluative language*, Routledge, UK, 2011.
10. Martin J.R., White P.R.R., *The language of evaluation: Appraisal in English*, Palgrave Macmillan, Hampshire-New York, USA, 2005.
11. Thompson G., Alba-Juez L., *Evaluation in context*, John Benjamins Publishing Company, 2014.